

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **269/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 20/9/2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ngọc và bà Đặng Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1973.

* *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã TT, huyện YS, tỉnh TQ.

(Bà X có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Hoàng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Văn L tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 18/01/1991 tại UBND xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn 5, xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau nữa. Đến nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1992 và Trịnh Thị L, sinh ngày 15/02/1995. Các con hiện nay đều trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Bà xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ông Trịnh Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị X tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 18/01/1991 tại UBND xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn 5, xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, hòa thuận bình thường, có mâu thuẫn nhưng chưa tới mức trầm trọng nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, ông nghi ngờ bà X ngoại tình không còn quan tâm đến ông nữa. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà X nên không nhất trí ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông và bà X có 02 con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1992 và Trịnh Thị L, sinh ngày 15/02/1995. Các con hiện nay đều trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Ông xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ hai lần nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Bà Hoàng Thị X và ông Trịnh Văn L là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 18/01/1991 tại UBND xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, ông bà về chung sống với nhau tại thôn 5, xã TT, huyện YS, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng thường xuyên nghi kỵ nhau dẫn đến cuộc sống chung căng thẳng, không còn tình cảm nên không có hạnh phúc. Bên cạnh đó ông bà còn thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng của ông bà cũng đã được gia đình đôi bên hòa giải nhưng không thành. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1992 và Trịnh Thị L, sinh ngày

15/02/1995. Các con hiện nay đều trưởng thành và lập gia đình riêng. Về tài sản và đất đai chung, vay nợ chung chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà và ông L tự thỏa thuận, về vay nợ chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, ông Trịnh Văn L vắng mặt, Tòa án xem xét quan điểm của ông Lưu trên cơ sở bản tự khai và biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định (không có mặt theo giấy triệu tập xét xử của Tòa án). Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho bà Hoàng Thị X được ly hôn với ông Trịnh Văn L. Về con chung đã trưởng thành các đương sự không đề nghị xem xét giải quyết; về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận; về vay nợ chung các đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, bà Xanh phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị X và ông Trịnh Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trịnh Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã TT, huyện YS, tỉnh TQ nên bà X khởi kiện xin ly hôn với ông L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà X có mặt, ông L vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị X và ông Trịnh Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, tính tình không hợp nhau nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng thường xuyên nghi kỵ nhau dẫn đến

cuộc sống chung căng thẳng, không còn tình cảm nên không có hạnh phúc. Bên cạnh đó ông bà còn thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân của bà X và ông L không hạnh phúc, không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị X là xử cho bà Hoàng Thị X được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

[3] Về con chung: Ông L và bà X có 02 con chung là Trịnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1992 và Trịnh Thị L, sinh ngày 15/02/1995. Các con hiện nay đều trưởng thành và lập gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông L và bà X tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Ông L và bà X xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Hoàng Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Trịnh Văn L không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị X được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Hoàng Thị X phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003806 ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS. Bà X đã nộp đủ án phí. Ông Trịnh Văn L không phải chịu án phí.

Bà Hoàng Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục T.H.A dân sự huyện YS;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh